

Bảng đối chiếu 63 → 34 tỉnh, thành

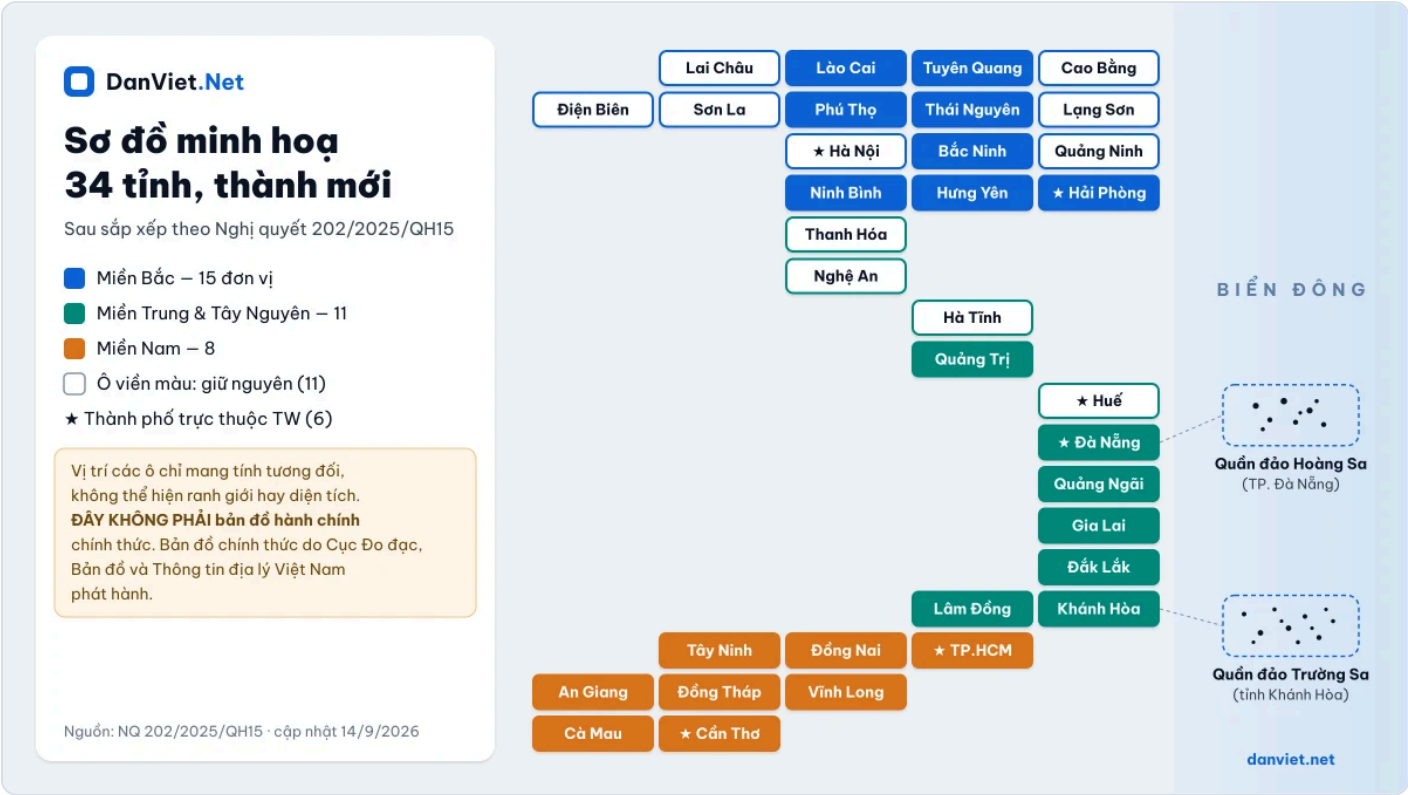
34 đơn vị hành chính cấp tỉnh: 28 tỉnh + 6 thành phố (★) · 23 đơn vị hình thành từ 52 tỉnh, thành cũ · 11 đơn vị không sắp xếp

#	Tỉnh / TP mới	Hình thành từ	Trung tâm CT-HC đặt tại	Diện tích (km²)	Dân số
1	Hà Nội ★	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
2	Cao Bằng	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
3	Lạng Sơn	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
4	Lai Châu	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
5	Điện Biên	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
6	Sơn La	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
7	Tuyên Quang	Hà Giang + Tuyên Quang	Tuyên Quang	13.795,50	1.865.270
8	Lào Cai	Yên Bái + Lào Cai	Yên Bái (cũ)	13.256,92	1.778.785
9	Thái Nguyên	Bắc Kạn + Thái Nguyên	Thái Nguyên	8.375,21	1.799.489
10	Phú Thọ	Vĩnh Phúc + Hòa Bình + Phú Thọ	Phú Thọ	9.361,38	4.022.638
11	Bắc Ninh	Bắc Giang + Bắc Ninh	Bắc Giang (cũ)	4.718,60	3.619.433
12	Quảng Ninh	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
13	Hải Phòng ★	Hải Dương + Hải Phòng	Hải Phòng	3.194,72	4.664.124
14	Hưng Yên	Thái Bình + Hưng Yên	Hưng Yên	2.514,81	3.567.943
15	Ninh Bình	Hà Nam + Nam Định + Ninh Bình	Ninh Bình	3.942,62	4.412.264
16	Thanh Hóa	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
17	Nghệ An	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
18	Hà Tĩnh	Không sắp xếp	Giữ nguyên	—	—
19	Quảng Trị	Quảng Bình + Quảng Trị	Quảng Bình (cũ)	12.700	1.870.845
20	Huế ★	Không sắp xếp (trước 1/1/2025 là tỉnh Thừa Thiên Huế)	Giữ nguyên	—	—
21	Đà Nẵng ★	Quảng Nam + Đà Nẵng	Đà Nẵng	11.859,59	3.065.628
22	Quảng Ngãi	Kon Tum + Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	14.832,55	2.161.755
23	Gia Lai	Bình Định + Gia Lai	Bình Định (cũ)	21.576,53	3.583.693
24	Đắk Lắk	Phú Yên + Đắk Lắk	Đắk Lắk	18.096,40	3.346.853
25	Khánh Hòa	Ninh Thuận + Khánh Hòa	Khánh Hòa	8.555,86	2.243.554
26	Lâm Đồng	Đắk Nông + Bình Thuận + Lâm Đồng	Lâm Đồng	24.233,07	3.872.999
27	TP. Hồ Chí Minh ★	Bà Rịa – Vũng Tàu + Bình Dương + TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	6.772,59	14.002.598
28	Tây Ninh	Long An + Tây Ninh	Long An (cũ)	8.536,44	3.254.170
29	Đồng Nai	Bình Phước + Đồng Nai	Đồng Nai	12.737,18	4.491.408
30	Đồng Tháp	Tiền Giang + Đồng Tháp	Tiền Giang (cũ)	5.938,64	4.370.046
31	Vĩnh Long	Bến Tre + Trà Vinh + Vĩnh Long	Vĩnh Long	6.296,20	4.257.581
32	An Giang	Kiên Giang + An Giang	Kiên Giang (cũ)	9.888,91	4.952.238
33	Cần Thơ ★	Sóc Trăng + Hậu Giang + Cần Thơ	Cần Thơ	6.360,83	4.199.824
34	Cà Mau	Bạc Liêu + Cà Mau	Cà Mau	7.942,39	2.606.672

Nguồn: Nghị quyết 202/2025/QH15 của Quốc hội (thông qua 12/6/2025; Công báo số 773+774 ngày 23/6/2025) – tên đơn vị, tỉnh cũ, diện tích tự nhiên, quy mô dân số, giáp ranh. Nơi đặt trung tâm chính trị – hành chính theo Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025. 11 đơn vị không sắp xếp: Nghị quyết 202 không nêu số liệu nên để trống. **DanViet.Net là website tra cứu độc lập, không phải cơ quan nhà nước và không liên quan tới Báo Dân Việt.** Tài liệu tham khảo, không có giá trị pháp lý; đối chiếu văn bản gốc khi cần.

Sơ đồ minh hoạ 34 tỉnh, thành (kèm quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa)

Sơ đồ minh hoạ, KHÔNG phải bản đồ hành chính chính thức. Mỗi ô là một đơn vị, vị trí chỉ tương đối, không thể hiện ranh giới hay diện tích. Bản đồ hành chính chính thức do Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cung cấp.



23 đơn vị mới giáp những đâu (theo Nghị quyết 202/2025/QH15)

Đơn vị mới	Giáp (tỉnh, thành · nước láng giềng · biển)
Tuyên Quang	Cao Bằng, Lào Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên; Trung Quốc
Lào Cai	Lai Châu, Phú Thọ, Sơn La, Tuyên Quang; Trung Quốc
Thái Nguyên	Bắc Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Nội
Phú Thọ	Lào Cai, Ninh Bình, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Hà Nội
Bắc Ninh	Hưng Yên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hải Phòng, Hà Nội
Hải Phòng	Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh; Biển Đông
Hưng Yên	Bắc Ninh, Ninh Bình, Hà Nội, Hải Phòng; Biển Đông
Ninh Bình	Hưng Yên, Phú Thọ, Thanh Hóa, Hà Nội; Biển Đông
Quảng Trị	Hà Tĩnh, Huế; Lào; Biển Đông
Đà Nẵng	Quảng Ngãi, Huế; Lào; Biển Đông
Quảng Ngãi	Gia Lai, Đà Nẵng; Lào, Campuchia; Biển Đông
Gia Lai	Đắk Lắk, Quảng Ngãi; Campuchia; Biển Đông
Đắk Lắk	Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng; Campuchia; Biển Đông
Khánh Hòa	Đắk Lắk, Lâm Đồng; Biển Đông
Lâm Đồng	Đắk Lắk, Đồng Nai, Khánh Hòa, TP. Hồ Chí Minh; Campuchia; Biển Đông
TP. Hồ Chí Minh	Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh; Biển Đông
Tây Ninh	Đồng Nai, Đồng Tháp, TP. Hồ Chí Minh; Campuchia
Đồng Nai	Lâm Đồng, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh; Campuchia
Đồng Tháp	An Giang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh; Campuchia; Biển Đông
Vĩnh Long	Đồng Tháp, Cần Thơ; Biển Đông
An Giang	Cà Mau, Đồng Tháp, Cần Thơ; Campuchia; Biển Đông
Cần Thơ	An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Vĩnh Long; Biển Đông
Cà Mau	An Giang, Cần Thơ; Biển Đông

Nguồn: Nghị quyết 202/2025/QH15 của Quốc hội (thông qua 12/6/2025; Công báo số 773+774 ngày 23/6/2025) – tên đơn vị, tỉnh cũ, diện tích tự nhiên, quy mô dân số, giáp ranh. Nơi đặt trung tâm chính trị – hành chính theo Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025. 11 đơn vị không sắp xếp: Nghị quyết 202 không nêu số liệu nên để trống. **DanViet.Net là website tra cứu độc lập, không phải cơ quan nhà nước và không liên quan tới Báo Dân Việt.** Tài liệu tham khảo, không có giá trị pháp lý; đối chiếu văn bản gốc khi cần.

Tra ngược: 63 tỉnh, thành cũ (A–Z) nay thuộc đơn vị nào

Tên in đậm là đơn vị hành chính cấp tỉnh hiện hành.

An Giang → An Giang	Hà Giang → Tuyên Quang	Ninh Thuận → Khánh Hòa
Bà Rịa – Vũng Tàu → TP. Hồ Chí Minh	Hà Nam → Ninh Bình	Phú Thọ → Phú Thọ
Bắc Giang → Bắc Ninh	Hà Nội → Hà Nội	Phú Yên → Đắk Lắk
Bắc Kạn → Thái Nguyên	Hà Tĩnh → Hà Tĩnh	Quảng Bình → Quảng Trị
Bạc Liêu → Cà Mau	Hải Dương → Hải Phòng	Quảng Nam → Đà Nẵng
Bắc Ninh → Bắc Ninh	Hải Phòng → Hải Phòng	Quảng Ngãi → Quảng Ngãi
Bến Tre → Vĩnh Long	Hậu Giang → Cần Thơ	Quảng Ninh → Quảng Ninh
Bình Định → Gia Lai	TP. Hồ Chí Minh → TP. Hồ Chí Minh	Quảng Trị → Quảng Trị
Bình Dương → TP. Hồ Chí Minh	Hòa Bình → Phú Thọ	Sóc Trăng → Cần Thơ
Bình Phước → Đồng Nai	Hưng Yên → Hưng Yên	Sơn La → Sơn La
Bình Thuận → Lâm Đồng	Khánh Hòa → Khánh Hòa	Tây Ninh → Tây Ninh
Cà Mau → Cà Mau	Kiên Giang → An Giang	Thái Bình → Hưng Yên
Cần Thơ → Cần Thơ	Kon Tum → Quảng Ngãi	Thái Nguyên → Thái Nguyên
Cao Bằng → Cao Bằng	Lai Châu → Lai Châu	Thanh Hóa → Thanh Hóa
Đà Nẵng → Đà Nẵng	Lâm Đồng → Lâm Đồng	Thừa Thiên Huế → Huế
Đắk Lắk → Đắk Lắk	Lạng Sơn → Lạng Sơn	Tiền Giang → Đồng Tháp
Đắk Nông → Lâm Đồng	Lào Cai → Lào Cai	Trà Vinh → Vĩnh Long
Điện Biên → Điện Biên	Long An → Tây Ninh	Tuyên Quang → Tuyên Quang
Đồng Nai → Đồng Nai	Nam Định → Ninh Bình	Vĩnh Long → Vĩnh Long
Đồng Tháp → Đồng Tháp	Nghệ An → Nghệ An	Vĩnh Phúc → Phú Thọ
Gia Lai → Gia Lai	Ninh Bình → Ninh Bình	Yên Bái → Lào Cai

Nguồn: Nghị quyết 202/2025/QH15 của Quốc hội (thông qua 12/6/2025; Công báo số 773+774 ngày 23/6/2025) – tên đơn vị, tỉnh cũ, diện tích tự nhiên, quy mô dân số, giáp ranh. Nơi đặt trung tâm chính trị – hành chính theo Nghị quyết 60-NQ/TW ngày 12/4/2025. 11 đơn vị không sắp xếp: Nghị quyết 202 không nêu số liệu nên để trống. **DanViet.Net là website tra cứu độc lập, không phải cơ quan nhà nước và không liên quan tới Báo Dân Việt.** Tài liệu tham khảo, không có giá trị pháp lý; đối chiếu văn bản gốc khi cần.